

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 53

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Đặng Ngọc Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Dominic Scriven	Thành viên
Ông Gerardo C. Ablaza, Jr	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2016)
Ông Kang Sang In	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2016)
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông John Eric T. Francia	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Thanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quốc Bình	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Khắc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Châu	Giám đốc đầu tư
Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Giám đốc tài chính
Ông Nguyễn Quyết Chiến	Giám đốc kế hoạch hành chính
Bà Nguyễn Quỳnh Hương	Giám đốc Phát triển dự án và quản lý vốn

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 87.03/2017/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2017, từ trang 4 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lương Xuân Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2013-072-1
Ngày 16 tháng 3 năm 2017

Phạm Thị Toan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2767-2014-072-1



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit. Kế toán/Accounting. Tư vấn thuế/Tax Consulting. Tài chính/Finance

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.030.250.945.659	2.482.380.738.263
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	249.059.008.478	410.397.717.943
1. Tiền	111		207.916.903.590	230.397.717.943
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.142.104.888	180.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.781.111.111	238.380.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	15.d	15.781.111.111	238.380.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.646.102.791.414	1.692.753.075.733
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.a	537.667.740.507	36.979.645.507
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	516.055.099.071	505.450.124.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8.a	478.307.301.956	874.631.105.090
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	122.708.878.247	286.028.429.503
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10.a	(8.636.228.367)	(10.336.228.367)
IV. Hàng tồn kho	140		69.178.898.763	113.481.305.027
1. Hàng tồn kho	141	11	69.178.898.763	113.481.305.027
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		50.129.135.893	27.368.639.560
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		47.513.319.577	854.151.025
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18.a	2.615.816.316	26.514.488.535

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016


MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.793.426.141.522	5.424.256.443.501
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		897.794.501.190	547.750.429.070
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6.b	215.000.000.000	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8.b	84.211.069.720	25.650.997.600
3. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	639.996.113.050	567.099.431.470
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10.b	(41.412.681.580)	(45.000.000.000)
II. Tài sản cố định	220		288.589.913.261	554.848.240.001
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.735.660.334	2.123.530.574
- Nguyên giá	222		5.380.773.400	6.543.810.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.645.113.066)	(4.420.279.826)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	286.854.252.927	552.724.709.427
- Nguyên giá	228		1.058.840.204.896	1.058.840.204.896
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(771.985.951.969)	(506.115.495.469)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		659.298.967.395	129.715.904.304
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	659.298.967.395	129.715.904.304
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	2.892.014.291.376	4.108.994.644.278
1. Đầu tư vào công ty con	251	15.a	994.917.549.813	3.048.735.623.793
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15.b	1.551.027.945.862	735.351.009.435
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15.c	375.228.245.116	332.281.009.485
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15.b	(29.159.449.415)	(7.372.998.435)
V. Tài sản dài hạn khác	260		55.728.468.300	82.947.225.848
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	55.728.468.300	82.947.225.848
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.823.677.087.181	7.906.637.181.764

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.933.862.842.391	5.512.270.309.707
I. Nợ ngắn hạn	310		1.707.977.544.396	1.451.568.831.013
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17.a	24.638.409.210	261.835.836.156
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		37.778.543.837	2.292.076.837
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18.b	26.738.656.830	1.025.180.677
4. Phải trả người lao động	314		33.596.414.979	15.795.528.920
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	1.111.148.514.441	698.854.621.669
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	450.622.334.000	314.784.834.672
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	-	146.050.777.680
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		23.454.671.099	10.929.974.402
II. Nợ dài hạn	330		2.225.885.297.995	4.060.701.478.694
1. Phải trả người bán dài hạn	331	17.b	141.295.510.800	0
2. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	253.350.299.759	319.873.515.038
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	1.763.483.487.436	2.946.246.184.648
4. Trái phiếu chuyển đổi	339	22	67.756.000.000	794.581.779.008
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.889.814.244.790	2.394.366.872.057
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	2.889.814.244.790	2.394.366.872.057
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.748.282.370.000	2.280.640.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.748.282.370.000	2.280.640.380.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		380.201.352.877	150.831.459.777
3. Cổ phiếu quỹ	415		(804.209.093.000)	(196.643.412.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		160.185.827.426	119.870.298.143
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		405.353.787.487	39.668.146.137
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		-	15.798.945.768
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		405.353.787.487	23.869.200.369
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.823.677.087.181	7.906.637.181.764


 Nguyễn Thị Tuyết Nhung
 Người lập biểu
 Ngày 16 tháng 3 năm 2017



 Nguyễn Thị Mai Hương
 Kế toán trưởng



 Lê Quốc Bình
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	402.834.025.000	383.193.935.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	15.576.000.000	13.140.000.000
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	24	387.258.025.000	370.053.935.000
4. Giá vốn hàng bán	11	25	273.927.137.000	242.178.566.920
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		113.330.888.000	127.875.368.080
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.232.023.440.777	971.949.933.915
7. Chi phí tài chính	22	27	310.716.254.134	523.757.087.355
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		303.549.320.904	344.990.649.210
8. Chi phí bán hàng	25	28	3.335.415.141	3.378.457.144
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	92.717.962.181	85.029.966.845
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		938.584.697.321	487.659.790.651
11. Thu nhập khác	31		457.914.455	-
12. Chi phí khác	32	30	6.502.246.310	3.715.402.035
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(6.044.331.855)	(3.715.402.035)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		932.540.365.466	483.944.388.616
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	138.121.346.561	51.078.974.749
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		794.419.018.905	432.865.413.867


 Nguyễn Thị Tuyết Nhung
 Người lập biểu
 Ngày 16 tháng 3 năm 2017


 Nguyễn Thị Mai Hương
 Kế toán trưởng


 Lê Quốc Bình
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2016	2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	932.540.365.466	483.944.388.616
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	266.258.326.740	235.077.014.010
Các khoản dự phòng	3	(68.401.883.345)	117.055.087.913
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	-	9.020.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(1.143.363.302.826)	(943.285.112.472)
Chi phí lãi vay	6	303.549.320.904	344.990.649.210
Các khoản điều chỉnh khác	7	(11.181.080.556)	33.545.947.802
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	279.401.746.383	280.347.975.079
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(118.838.764.744)	(145.892.873.730)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	1.184.041.081	17.414.690.584
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	243.056.638.503	80.059.678.800
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(688.010.808)	5.401.987.819
Tiền lãi vay đã trả	14	(288.813.052.145)	(282.359.626.033)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(91.247.093.123)	(64.194.390.622)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	24.055.505.147	(109.222.558.103)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(571.699.472.801)	(548.969.470.422)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	454.545.455	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.039.381.812.129)	(2.906.702.135.275)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.367.810.279.352	1.831.047.356.641
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(351.981.928.260)	(1.369.122.020.294)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	544.821.932.802	1.805.368.921.028
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	479.353.498.363	269.217.590.799
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	429.377.042.782	(919.159.757.523)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	2016	2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	9.990.000.000	10.260.000.000
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(607.565.681.000)	(196.643.412.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.684.600.423.540	3.850.265.942.373
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.200.320.977.560)	(2.015.968.446.618)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(501.475.022.374)	(596.343.143.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(614.771.257.394)	1.051.570.940.105
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(161.338.709.465)	23.188.624.479
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	410.397.717.943	387.209.093.464
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	249.059.008.478	410.397.717.943

Các thông tin bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Dòng tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác phát sinh trong năm (mã số 21) không bao gồm số tiền 500.000.000.000 VND đã ứng trước cho các nhà thầu thi công Dự án xây dựng hạ tầng Khu đô thị mới Thủ Thiêm trong năm trước. Chỉ tiêu này cũng bao gồm số tiền 113.976.176.508 VND Công ty đã thanh toán cho Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phần chênh lệch giữa giá trị Dự án xây dựng hạ tầng Khu đô thị mới Thủ Thiêm và giá đất được nhận để đổi lấy hạ tầng.

Dòng tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm (mã số 25) bao gồm số tiền Công ty đã chi đầu tư vào công ty con là 315.151.000.000 VND, chi đầu tư vào Công ty liên kết là 32.250.000.000 VND và chi đầu tư vào công ty khác là 4.580.928.260 VND.

Dòng tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm (mã số 26) bao gồm tiền thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phần các công ty con là 286.782.290.000 VND, tiền thu được từ việc chuyển nhượng các khoản đầu tư vào công ty liên kết là 78.309.046.000 VND và thu hồi đầu tư vào công ty khác là 179.730.596.802 VND. Chỉ tiêu này không bao gồm số tiền đối tác chưa thanh toán khi nhận chuyển nhượng cổ phần các công ty con với giá trị là 715.738.310.000 VND đang được trình bày là khoản phải thu khách hàng như đã trình bày tại Thuyết minh số 6.

Dòng tiền thu được từ đi vay trong năm (mã số 33) bao gồm tiền tiền vay từ các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng là 1.697.851.418.709 VND, nhận hỗ trợ vốn kinh doanh từ các bên liên quan trong tập đoàn là 986.749.004.831 VND.

Dòng tiền trả nợ gốc vay trong năm (mã số 34) bao gồm tiền thanh toán các khoản vay cho các ngân hàng và các tổ chức tín dụng có giá trị là 1.464.823.431.945 VND, hoàn trả tiền hỗ trợ vốn kinh doanh cho các bên liên quan trong tập đoàn là 462.497.545.615 VND và tiền thanh toán trái phiếu là 273.000.000.000 VND.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các thông tin bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Công ty đã thực hiện hoán đổi toàn bộ 1.020 tỷ VND trái phiếu phát hành cho nhà đầu tư Metro Pacific Tollways Corporation ("MPTC") với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII ("CII B&R"). Khoản giảm nợ vay tương ứng với khoản đầu tư vào công ty con đã được ghi nhận trong Bảng cân đối kế toán mà không ảnh hưởng đến các dòng tiền phát sinh trong năm.

Nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu chuyển đổi của Công ty đã thực hiện chuyển đổi tổng trái phiếu trị giá 687.011.883.100 VND thành cổ phiếu. Một khoản tăng vốn chủ sở hữu và giảm nợ vay tương ứng đã được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán mà không ảnh hưởng đến các dòng tiền phát sinh của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.



Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Người lập biểu
Ngày 16 tháng 3 năm 2017



Nguyễn Thị Mai Hương
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001 và qua các lần thay đổi. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.748.282.370.000 VND, được chia thành 274.828.237 cổ phần bằng nhau (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.280.704.380.000 VND tương ứng với 228.070.438 cổ phần), mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND..

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 163 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 163).

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); kinh doanh bất động sản; thực hiện thu phí giao thông đường bộ; sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thực hiện thu phí giao thông đường bộ; đầu tư và quản lý các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Trong năm, Công ty đã thực hiện hoán đổi toàn bộ 1.020 tỷ VND trái phiếu phát hành cho MPTC với 56.666.666 cổ phiếu của CII B&R mà Công ty đang sở hữu. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện thành công giao dịch bán 4.130.000 cổ phiếu của CII B&R. Theo đó, tỷ lệ nắm giữ của Công ty trong CII B&R giảm từ 81,51% xuống 49%, CII B&R trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2016.

Trong tháng 12, Công ty đã chuyển nhượng 19.480.000 cổ phần nắm giữ của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (“CII E&C”), giảm tỷ lệ sở hữu từ 99,54% xuống 49%, CII E&C trở thành công ty liên kết của Công ty từ ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Trong năm, Công ty đã thoái một phần vốn trong Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (“NBB”), giảm tỷ lệ sở hữu từ 24,98% xuống 19,99%, NBB không còn là công ty liên kết của Công ty kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2016.

Công ty đã chuyển nhượng 100% giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết - Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn cho nhà đầu tư bên ngoài và chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp cho Công ty con là Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (“SII”).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT (tiếp theo)

Ngày 26 tháng 1 năm 2016, các trái chủ do Goldman Sachs Asset Management quản lý đã thực hiện chuyển đổi toàn bộ 25.000.000 USD trái phiếu phát hành vào tháng 1 năm 2011 thành 29.727.391 cổ phiếu CII, giá chuyển đổi là 18.800 VND/cổ phiếu. Đồng thời, Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh - HFIC cũng đã thực hiện chuyển đổi toàn bộ 44.424.000.000 VND trái phiếu phát hành vào tháng 1 năm 2011 thành 2.362.978 cổ phiếu CII với giá chuyển đổi là 18.800 VND/cổ phiếu.

Ngày 17 tháng 6 năm 2016, nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2014 (CII41401) đã thực hiện chuyển đổi 150.428 trái phiếu thành 13.673.830 cổ phiếu với tỷ lệ chuyển đổi là 1:90,9.

Như vậy qua các lần chuyển đổi trái phiếu trong năm, vốn điều lệ của Công ty đã tăng 457.641.990.000 VND.

Trong năm, Công ty đã thực hiện mua lại 23.751.510 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào sáu (06) công ty con và bốn (04) công ty liên doanh, liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty con				
1. Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (SII)	Tp. Hồ Chí Minh	55,94%	55,94%	Kinh doanh hạ tầng nước, môi trường
2. Công ty CP Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	Tp. Hồ Chí Minh	100%	90%	Kinh doanh bất động sản
3. Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng
4. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Tp. Hồ Chí Minh	98,85%	98,85%	Xây dựng, lắp đặt các công trình giao thông, cấp-thoát nước, thu phí giao thông cầu Bình Triệu
5. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ thu phí giao thông, dịch vụ hạ tầng
6. Công ty TNHH MTV Bắc Thủ Thiêm	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư vào dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc (khu chức năng số 3 và số 4) và hoàn thiện đường trục Bắc -Nam (đoạn từ chân cầu Thủ Thiêm 1 đến Mai Chí Thọ) trong khu đô thị mới Thủ Thiêm theo hợp đồng B.T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty liên doanh, liên kết				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R)	TP. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Đầu tư vào các dự án cầu đường
2. Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C)	TP. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Thi công xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil (VPII)	TP. Hồ Chí Minh	49,50%	49,50%	Kinh doanh hạ tầng nước, môi trường
4. Công ty Cổ phần Hòa Phú	TP. Hồ Chí Minh	28,95%	28,95%	Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng công nghiệp

Ngoài các công ty đang đầu tư trực tiếp, Công ty còn có các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đầu tư gián tiếp thông qua các công ty con khác như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn				
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro (Enviro)	Tp. Hồ Chí Minh	48%	85%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Tỉnh Lâm Đồng	50%	90%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	Tỉnh Gia Lai	30%	55%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh	29%	51%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
5. Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước châu Á	Tp. Hồ Chí Minh	29%	51%	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và chống thất thoát nước
6. Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - Cần Thơ	Tp. Hồ Chí Minh	56%	51%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
7. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	29%	51%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
-------------	----------------------------	-----------------------------	----------------------------	-----------------

Công ty liên kết

1. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Tỉnh Long An	14%	26%	Khai thác, cung cấp nước sạch, sản xuất nước đóng chai
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	Tp. Hồ Chí Minh	16%	29%	Cung cấp dịch vụ thu hộ tiền nước sinh hoạt
3. Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	Tp. Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII

Công ty con

1. Công ty TNHH Dịch vụ MCSC (MCSC)	Tỉnh Bình Dương	100%	100%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông đường bộ
-------------------------------------	-----------------	------	------	--

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu về cho vay, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn từ sau ngày mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi và các khoản lợi ích khác mà Công ty được hưởng trước khi nắm giữ khoản đầu tư được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có được quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của các công ty đó.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư từ sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các lợi ích khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài Chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cũng được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài Chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo cam kết hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	07 - 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền thu phí giao thông, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án theo hợp đồng đã ký.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo phương pháp tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ giữa doanh thu thu được hàng năm và tổng doanh thu ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T là chi phí phát sinh trong giai đoạn thu phí hoàn vốn đầu tư. Chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông của dự án.

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí bảo dưỡng đường xá, di dời trạm, chi phí in vé cầu đường, chi phí công cụ, dụng cụ ... Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, trong thời hạn từ 2 đến 3 năm.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Trái phiếu phát hành

Các khoản trái phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính trên cơ sở giá trị thuần bằng giá trị của trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) chiết khấu trái phiếu cộng (+) các khoản phụ trội của trái phiếu.

Các khoản chiết khấu và phụ trội của trái phiếu được theo dõi chi tiết theo từng loại trái phiếu phát hành và phân bổ vào chi phí đi vay hàng kỳ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành giá trị cầu phần nợ (nợ gốc) và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cầu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí đi vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí đi vay phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu.

Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động thu phí hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ trong giai đoạn thu phí được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé cầu đường dưới các hình thức theo mức quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ đầu tư các dự án B.O.T

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức 14% theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này theo nguyên tắc: Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được chuyển đổi theo tỷ giá mua và các khoản mục được phân loại là nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá bán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.599.783.685	45.124.145
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	206.317.119.905	230.352.593.798
Các khoản tương đương tiền	41.142.104.888	180.000.000.000
Cộng	249.059.008.478	410.397.717.943

Các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ dưới 3 tháng.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu từ việc bán vốn công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát (i)	215.000.000.000	-
Phải thu nhà đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần CII E&C	285.738.310.000	-
Phải thu Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh về giá trị đầu tư dự án Tỉnh lộ 25B	36.663.160.758	36.663.160.758
Các khoản phải thu khách hàng khác	266.269.749	316.484.749
	537.667.740.507	36.979.645.507
b. Dài hạn		
Phải thu từ việc bán vốn công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát (i)	215.000.000.000	-
Cộng	752.667.740.507	36.979.645.507

(i) Đây là khoản phải thu về giá trị chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát cho Công ty NBB với giá trị chuyển nhượng là 430 tỷ đồng. Theo thỏa thuận của hợp đồng chuyển nhượng, 50% giá trị khoản phải thu sẽ được NBB thanh toán cho Công ty khi Công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát ký thỏa thuận nhận chuyển nhượng lô đất có ký hiệu 3.13 với diện tích 5.823m² tại khu đô thị mới Thủ Thiêm từ Công ty. 50% còn lại sẽ được thanh toán khi Công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước cho nhà thầu dự án Thủ Thiêm: (xem thuyết minh số 14)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	504.785.512.566	500.000.000.000
Công ty CII E&C	277.020.884.437	300.000.000.000
Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	113.788.451.621	200.000.000.000
Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	113.976.176.508	-
Các đối tượng khác	11.269.586.505	5.450.124.000
Cộng	516.055.099.071	505.450.124.000
<i>Trong đó, trả trước cho các bên liên quan:</i>		
Công ty CII E&C	113.788.451.621	200.000.000.000

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan	377.683.430.926	711.034.040.392
Công ty NBB	56.518.693.596	53.597.064.698
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	44.105.177.434	110.000.000.000
	478.307.301.956	874.631.105.090
b. Dài hạn		
Công ty NBB	58.560.072.120	-
Các khoản hợp tác đầu tư vốn vào các dự án khác	25.650.997.600	25.650.997.600
	84.211.069.720	25.650.997.600
Cộng	562.518.371.676	900.282.102.690
<i>Chi tiết phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty CII B&R (ii)	172.174.597.320	462.850.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội (iii)	194.958.833.606	131.139.833.606
Công ty CII E&C	-	109.493.706.786
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia	7.550.000.000	7.550.000.000
Công ty TNHH MTV Bắc Thủ Thiêm	3.000.000.000	-
	377.683.430.926	711.034.040.392

Các khoản cho vay của Công ty phát sinh từ mục tiêu quản lý tiền nhằm tối đa hóa thu nhập tài chính từ các tài sản có tính thanh khoản cao hơn. Đối tượng vay chủ yếu là các bên liên quan trong nội bộ tập đoàn hoặc các đối tác chiến lược của Công ty. Các khoản cho vay được hưởng lãi suất trong năm dao động trong khoảng từ 9,5% đến 10,5%/năm và vay theo hình thức tín chấp.

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc vay được thực hiện theo hợp đồng ký ngày 2 tháng 12 năm 2015 với lãi suất cho vay cố định là 10%/năm. Mục đích cho vay là để bên đi vay tăng nguồn năng lực hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh. Hạn mức cho vay là 150 tỷ VND và có thời hạn giải ngân trong vòng 18 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(ii) Khoản cho Công ty CII B&R vay để góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương- Mỹ Thuận – Doanh nghiệp dự án thực hiện đầu tư xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ 1 phần vốn đầu tư cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc để đầu tư vào dự án này. Lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất tiết kiệm tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân + biên độ 3%/năm.

(iii) Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn mỗi khoản vay là 12 tháng, lãi cho vay áp dụng trong năm 2016 trong khoảng từ 9,4% đến 10,5%.

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về lãi trái phiếu, tiền gửi và các khoản cho vay	72.723.872.487	62.811.102.076
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc		
(i)	15.576.000.000	13.140.000.000
Các khoản chi hộ	11.984.136.646	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	14.983.480.440	154.027.705.430
Phải thu người lao động	1.195.000.000	135.000.000
Nợ gốc trái phiếu đã đáo hạn	-	25.500.000.000
Lãi chậm thanh toán các khoản phí chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	11.677.041.123
Đặt cọc mua cổ phần Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5	-	10.186.176.000
Các khoản phải thu khác	6.246.388.674	8.551.404.874
	122.708.878.247	286.028.429.503
b. Dài hạn		
Vốn góp vào dự án Diamond Riverside theo hợp đồng BCC	492.869.280.000	398.369.280.000
Ký cược, ký quỹ	101.822.277.860	101.826.277.860
Nợ gốc trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng đã đáo hạn	41.412.681.580	45.000.000.000
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc	3.891.873.610	21.903.873.610
	639.996.113.050	567.099.431.470
Cộng	762.704.991.297	853.127.860.973
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty CII B&R	24.393.592.658	21.223.755.796
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	6.222.180.000	7.962.295.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	36.939.842.455	19.431.236.706
Công ty CII E&C	-	97.053.508.569
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia	1.136.170.139	355.017.778
Cộng	68.691.785.252	146.025.813.849

(i) Số dư thể hiện giá trị lãi vốn chủ sẽ được giảm trừ vào doanh thu thu phí trong 12 tháng tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. NỢ XẤU

Nội dung	31/12/2016			01/01/2016			Tên đối tượng
	Nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn Năm	Nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn Năm	
a. Ngắn hạn							
Phải thu lãi trái phiếu	6.470.833.334	-	>3 năm	6.470.833.334	-	>2 năm	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng
Phải thu về lãi cho vay	2.165.395.033	-	>3 năm	2.165.395.033	-	>3 năm	Công ty Cổ phần Cổ Mễ - Vườn Việt
Phải thu về cổ tức được chia	-	-		1.700.000.000	-	>3 năm	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí PTL
	8.636.228.367	-		10.336.228.367	-		
b. Dài hạn							
Nợ gốc trái phiếu	41.412.681.580	-	>3 năm	45.000.000.000	-	>3 năm	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng
Cộng	50.048.909.947	-		55.336.228.367	-		
Giá trị dự phòng đã trích lập		50.048.909.947			55.336.228.367		

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí các dự án đang đầu tư	69.178.898.763	-	113.481.305.027	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2016	176.846.400	6.331.864.000	35.100.000	6.543.810.400
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.163.037.000)	-	(1.163.037.000)
Tại ngày 31/12/2016	176.846.400	5.168.827.000	35.100.000	5.380.773.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2016	176.846.400	4.208.333.426	35.100.000	4.420.279.826
Khấu hao trong năm	-	387.870.240	-	387.870.240
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.163.037.000)	-	(1.163.037.000)
Tại ngày 31/12/2016	176.846.400	3.433.166.666	35.100.000	3.645.113.066
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2016	-	2.123.530.574	-	2.123.530.574
Tại ngày 31/12/2016	-	1.735.660.334	-	1.735.660.334

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.395.131.770 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 là 1.395.131.770 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền thu phí giao thông VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2016	1.058.840.204.896
Tại ngày 31/12/2016	1.058.840.204.896
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2016	506.115.495.469
Khấu hao trong năm	265.870.456.500
Tại ngày 31/12/2016	771.985.951.969
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2016	552.724.709.427
Tại ngày 31/12/2016	286.854.252.927

Công ty được quyền thu phí giao thông tại trạm Xa lộ Hà Nội để hoàn vốn đã ứng xây dựng cầu Rạch Chiếc mới theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền quản lý, thu phí giao thông ngày 2 tháng 12 năm 2008 ký với Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và các phụ lục. Công ty bắt đầu thực hiện thu phí từ 0h ngày 1 tháng 6 năm 2013. Nguyên giá của quyền thu phí này hiện đang được Công ty tạm xác định và có thể sẽ được điều chỉnh lại sau khi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quyết toán lại giá trị đầu tư của dự án Xây dựng Cầu Rạch Chiếc mới.

Công ty khấu hao quyền thu phí giao thông này theo phương pháp tỷ trọng doanh thu với tỷ lệ khấu hao trong năm 2016 là 66% (trong năm 2015 là 61,2%).

Công ty cam kết sử dụng nguồn tiền và các lợi ích kinh tế khác từ quyền thu phí giao thông để đảm bảo cho các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 20.

Ngoài ra, Công ty đã sử dụng quyền thu phí tại trạm Xa Lộ Hà Nội để thực hiện ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CII B&R (xem thêm thuyết minh số 19)

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Dự án B.T xây dựng hạ tầng Khu đô thị mới Thủ Thiêm (i)	560.963.917.404	42.346.301.419
Dự án B.O.T xây dựng Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ	84.708.934.835	80.421.768.096
Các dự án khác	13.626.115.156	6.947.834.789
Cộng	659.298.967.395	129.715.904.304

Dự án B.T xây dựng hạ tầng khu đô thị mới Thủ Thiêm là dự án được Nhà nước thanh toán bằng hình thức giao đất trong khu đô thị mới Thủ Thiêm để Công ty đầu tư xây dựng các dự án khác để phát triển mảng kinh doanh bất động sản. Tổng giá trị đầu tư của dự án là 2.641 tỷ VND. Quỹ đất được đổi lấy giá trị hạ tầng là 9 lô đất trong khu đô thị mới Thủ Thiêm trị giá 2.855.307.970.508 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã thực hiện thanh toán đủ phần chênh lệch giữa giá trị hợp đồng BT và giá trị đất cho UBND thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các công ty con trong năm

	2016 VND	2015 VND
Công ty SII		
Nhận đặt cọc mua cổ phần Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	32.250.000.000	12.900.000.000
Chuyển nhượng cổ phần trong công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	119.515.788.611	-
Tăng giá trị chuyển nhượng dự án Diamond Riverside	4.407.263.568	-
Thanh toán giá trị chuyển nhượng dự án Diamond Riverside	115.480.000.000	-
Cho vay		260.000.000.000
Thu hồi tiền cho vay	-	260.000.000.000
Lãi cho vay phải thu	-	3.062.222.223
Công ty CP Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ		
Lợi nhuận được chia	17.000.000.000	17.100.000.000
Chi phí sử dụng vốn phải trả công ty con	14.954.368.582	15.120.615.476
Cần trừ công nợ và chi khác	17.235.488.000	17.551.651.200
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia		
Hỗ trợ vốn cho công ty con	-	7.550.000.000
Thu hồi tiền cho vay	-	73.800.000.000
Lãi cho vay phải thu	781.152.361	1.173.184.445
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu		
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	-	47.038.024.771
Chi phí sử dụng vốn phải trả công ty con	5.419.777.778	4.116.922.231
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Phí dịch vụ thu hộ phí giao thông phải trả	2.658.704.565	2.529.079.971
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	8.000.000.000
Góp vốn trong năm	5.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Bắc Thủ Thiêm		
Góp vốn trong năm	10.151.000.000	-
Hỗ trợ vốn cho công ty con	3.000.000.000	-
Chi hộ công ty con	200.000.000	-

TINH H
 CÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty CII B&R	993.956.628.531	-	2.296.334.010.600	-	-	-
Công ty CII E&C	212.221.317.331	-	-	-	-	-
Công ty VPII	311.850.000.000	-	-	311.850.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Hòa Phú	33.000.000.000	-	-	33.000.000.000	-	-
Công ty NBB	-	-	-	312.583.113.435	(7.372.998.435)	283.423.664.020
Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	-	-	-	70.950.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	-	-	-	6.967.896.000	-	-
Cộng	1.551.027.945.862	-	2.296.334.010.600	735.351.009.435	(7.372.998.435)	283.423.664.020
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty NBB	250.125.934.415	(29.159.449.415)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	60.902.310.701	-	-	75.331.009.485	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	29.500.000.000	-	-	29.500.000.000	-	-
Công ty BOT Cầu Phú Mỹ	29.700.000.000	-	-	29.700.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Mê Kông - Mỹ Tho	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và XD cầu Đồng Nai	-	-	-	9.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm	-	-	-	183.750.000.000	-	-
Cộng	375.228.245.116	(29.159.449.415)	-	332.281.009.485	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(i) Giá trị hợp lý của Công ty NBB được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu công ty này niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.

Giá trị hợp lý của các công ty liên kết còn lại không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

Các giao dịch trọng yếu với các công ty liên doanh, liên kết trong năm

	2016	2015
Công ty CII B&R		
Công ty con phát hành cổ phiếu riêng lẻ và chuyển đổi trái phiếu cho công ty mẹ	-	1.557.000.000.000
Cho vay	18.400.000.000	1.011.347.250.000
Thu hồi tiền cho vay	77.141.750.000	548.496.750.000
Hoàn trả vốn và lợi nhuận hợp tác đầu tư quyền thu phí giao thông trạm Xa Lộ Hà Nội	-	29.030.216.397
Chi lợi nhuận hợp tác đầu tư quyền thu phí giao thông trạm Xa Lộ Hà Nội	19.667.092.389	32.032.393.439
Chuyển nhượng các khoản đầu tư vào các công ty dự án cầu đường	-	1.034.995.010.784
Thu hồi phí chuyển nhượng các khoản đầu tư vào các công ty dự án cầu đường	-	1.736.274.258.833
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	426.400.000.000	262.000.000.000
Hoàn trả vốn công ty con hỗ trợ	340.027.411.448	119.336.917.256
Phải thu lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	69.388.891.262
Lãi cho vay phải thu	19.819.306.620	29.487.249.741
Lãi vay phải trả	15.292.747.961	2.994.289.767
Cổ tức, lợi nhuận được chia	173.598.694.720	52.770.990.800
Công ty CII E&C		
Cho vay	841.900.000.000	872.718.116.205
Thu hồi tiền cho vay	951.393.706.786	867.224.409.419
Lãi cho vay phải thu	9.531.942.201	6.093.196.801
Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	717.817.241	91.735.902.349
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	260.369.004.831	68.147.910.400
Hoàn trả vốn hỗ trợ cho công ty con	68.296.016.485	68.147.910.400
Chi phí sử dụng vốn phải trả công ty con	2.824.029.133	368.498.395
Thanh toán tiền thi công dự án Thủ Thiêm	181.464.045.114	200.000.000.000
Công ty VPII		
Công ty liên kết mua lại cổ phiếu quỹ	-	15.592.500.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	33.827.062.500	105.271.668.811
Thu hồi tiền cho vay	-	42.440.000.000
Lãi cho vay phải thu	-	895.955.557
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty liên kết	-	195.000.000.000
Hoàn trả vốn hỗ trợ kinh doanh	-	15.592.500.000
Chi phí sử dụng vốn phải trả	15.021.792.228	7.010.478.891

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

d. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Tiền gửi có kỳ hạn	15.781.111.111	15.781.111.111	238.380.000.000	238.380.000.000

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí lãi vay dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc chờ phân bổ (i)	54.276.385.386	82.183.153.742
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	820.546.489	527.343.065
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	235.358.147	236.729.041
Chi phí bản quyền, phần mềm chờ phân bổ	396.178.278	-
Cộng	55.728.468.300	82.947.225.848

(i) Chi phí lãi vay của các khoản vay tài trợ cho dự án B.O.T cầu Rạch Chiếc mới phát sinh trong thời gian thu phí hoàn vốn được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ 13,2% trên doanh thu phát sinh trong năm. Phương pháp phân bổ chi phí lãi vay này đã được Bộ tài chính chấp thuận tại Công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Nợ gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Nợ gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Ngắn hạn				
Công ty SII	23.160.462.296	23.160.462.296	259.770.714.696	259.770.714.696
Nhà cung cấp khác	1.477.946.914	1.477.946.914	2.065.121.460	2.065.121.460
	24.638.409.210	24.638.409.210	261.835.836.156	261.835.836.156
b. Dài hạn				
Công ty SII	141.295.510.800	141.295.510.800	-	-
Cộng	165.933.920.010	165.933.920.010	261.835.836.156	261.835.836.156
<i>Trong đó, phải trả cho các bên liên quan</i>				
Công ty SII	164.455.973.096	164.455.973.096	259.770.714.696	259.770.714.696
Công ty TNHH MTV				
Dịch vụ Hạ tầng	236.304.816	236.304.816	249.271.902	249.271.902
Công ty CII E&C	11.332.527	11.332.527	11.332.527	11.332.527
	164.703.610.439	164.703.610.439	260.031.319.125	260.031.319.125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.514.488.535	26.514.488.535	-	-
Các khoản khác	-	-	2.615.816.316	2.615.816.316
Cộng	26.514.488.535	26.514.488.535	2.615.816.316	2.615.816.316
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	21.754.906	21.754.906	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	111.606.858.026	91.247.093.123	20.359.764.903
Thuế thu nhập cá nhân	433.338.572	16.071.121.173	12.253.990.213	4.250.469.532
Thuế nhà thầu	591.842.105	8.873.062.925	9.464.905.030	-
Các khoản khác	-	6.485.478.540	4.357.056.145	2.128.422.395
Cộng	1.025.180.677	143.058.275.570	117.344.799.417	26.738.656.830

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội	22.435.605	65.607.605
Bảo hiểm y tế	3.958.830	2.068.830
Phải trả vốn hỗ trợ kinh doanh	855.409.499.158	563.092.192.622
Phải trả chi phí sử dụng vốn	20.960.720.486	6.399.555.808
Phải trả lãi trái phiếu	31.705.342.288	104.073.120.940
Phải trả lãi vay ngân hàng	20.105.851.778	3.716.967.694
Phải trả chi phí duy tu trạm thu phí	24.280.379.960	18.240.212.660
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	158.610.326.336	3.214.895.510
Các khoản phải trả khác	50.000.000	50.000.000
	1.111.148.514.441	698.854.621.669
b. Dài hạn		
Phải trả vốn hợp tác đầu tư (i)	253.350.299.759	248.316.163.927
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	71.557.351.111
	253.350.299.759	319.873.515.038
Cộng	1.364.498.814.200	1.018.728.136.707

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty CII B&R (i)	253.350.299.759	391.763.893.626
Công ty CII E&C	175.070.876.025	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	62.139.898.409	61.891.096.631
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	171.566.736.591	173.847.856.009
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	-	3.887.087.200
Công ty VPIL	167.612.708.619	186.417.978.891
	829.740.519.403	817.807.912.357

(i) Ngày 2 tháng 10 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CII B&R để khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội nhằm hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Tỷ lệ góp vốn đầu tư vào dự án của CII B&R là 99,5% và của Công ty là 0,5% trên tổng vốn đầu tư vào dự án bằng nguồn vốn chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động thu phí được chia theo tỷ lệ vốn góp của mỗi bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2016		Phát sinh trong năm		01/01/2016	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng HDBank (i)	100.000.000.000	100.000.000.000	179.000.000.000	79.000.000.000	-	-
Ngân hàng BIDV - CN Tp. Hồ Chí Minh	-	-	506.312.775.273	705.893.694.211	199.580.918.938	199.580.918.938
Ngân hàng BIDV - CN Tây Sài Gòn	-	-	17.001.155.000	46.506.070.734	29.504.915.734	29.504.915.734
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Cộng Hòa	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	250.622.334.000	250.622.334.000	-	-	85.699.000.000	85.699.000.000
Trái phiếu đến hạn (xem Thuyết minh b)	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-
Cộng	450.622.334.000	450.622.334.000	752.313.930.273	881.399.764.945	314.784.834.672	314.784.834.672

Số dư vay nợ vay ngắn hạn cuối kỳ là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 12 tháng 12 năm 2016 với Ngân hàng VDB-CN Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay là 10,5%/năm. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn hợp tác với Công ty CII E&C thi công xây dựng dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội. Công ty đã sử dụng 6.400.000 cổ phiếu Công ty CII B&R để đảm bảo cho khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2016		Phát sinh trong năm		01/01/2016	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Các khoản vay dài hạn						
Ngân hàng BIDV - CN Tp. Hồ Chí Minh (i)	615.537.488.436	615.537.488.436	615.537.488.436	-	-	-
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn (ii)	208.334.333.000	208.334.333.000	250.000.000.000	41.665.667.000	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Á (iii)	200.000.000.000	200.000.000.000			200.000.000.000	200.000.000.000
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, Tp. Hồ Chí Minh (iv)	130.991.000.000	130.991.000.000		275.900.000.000	406.891.000.000	406.891.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong- CN Thành phố Hồ Chí Minh (v)	52.000.000.000	52.000.000.000	80.000.000.000	28.000.000.000	-	-
Ngân hàng Eximbank - Sở giao dịch 1	-	-	-	237.858.000.000	237.858.000.000	237.858.000.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(250.622.334.000)	(250.622.334.000)			(85.699.000.000)	(85.699.000.000)
	956.240.487.436	956.240.487.436	945.537.488.436	583.423.667.000	759.050.000.000	759.050.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

	31/12/2016		Phát sinh trong năm		01/01/2016	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Trái phiếu phát hành						
Trái phiếu hoán đổi cổ phiếu LGC phát hành năm 2015	-	-	11.742.815.352	1.020.000.000.000	1.008.257.184.648	1.020.000.000.000
Trái phiếu hoán đổi cổ phần Công ty BOT Trung Lương- Mỹ Thuận phát hành năm 2015	462.851.000.000	462.851.000.000	-	-	462.851.000.000	462.851.000.000
Trái phiếu 650 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2014	287.392.000.000	290.000.000.000	1.304.000.000	-	286.088.000.000	290.000.000.000
Trái phiếu 1000 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2013	157.000.000.000	157.000.000.000	-	273.000.000.000	430.000.000.000	430.000.000.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)	-	-	-	-
	807.243.000.000	809.851.000.000	13.046.815.352	1.293.000.000.000	2.187.196.184.648	2.202.851.000.000
Cộng vay và trái phiếu	1.763.483.487.436	1.766.091.487.436	958.584.303.788	1.876.423.667.000	2.946.246.184.648	2.961.901.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Vay dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	250.622.334.000	85.699.000.000
Trong năm thứ hai	275.773.333.334	276.817.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	680.467.154.102	482.233.000.000
	1.206.862.821.436	844.749.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(250.622.334.000)	(85.699.000.000)
Cộng	956.240.487.436	759.050.000.000

Trái phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	100.000.000.000	-
Trong năm thứ hai	57.000.000.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	752.851.000.000	1.182.851.000.000
Sau năm năm	-	1.020.000.000.000
	909.851.000.000	2.202.851.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(100.000.000.000)	-
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(2.608.000.000)	(15.654.815.352)
Cộng	807.243.000.000	2.187.196.184.648

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào kết quả kinh doanh trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(i) Số dư nợ vay cuối kỳ của Ngân hàng BIDV - CN Tp. Hồ Chí Minh là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 để thực hiện dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm với hạn vay là 2.000 tỷ VND, thời hạn vay không quá 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 21 tháng 4 năm 2016, thời gian ân hạn nợ gốc là 36 tháng. Lãi suất áp dụng trước 31 tháng 12 năm 2016 dao động từ 9,55% đến 9,65%. Sau đó sẽ áp dụng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng biên độ 3%/ năm và điều chỉnh 6 tháng/lần. Công ty đã sử dụng 69.700.000 cổ phiếu Công ty CII B&R để thế chấp cho khoản vay này.

(ii) Số dư nợ vay cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 25 tháng 4 năm 2016 nhằm mục đích bổ sung vốn hợp tác đầu tư vào dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội giữa Công ty và Công ty CII E&C với hạn mức vay là 250 tỷ VN, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

Lãi suất cho vay áp dụng cho 12 tháng đầu tiên là 9%/năm, từ năm thứ 2 trở đi sẽ áp dụng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ cộng biên độ tối thiểu 2.5%/năm. Công ty đã sử dụng 10.327.700 cổ phiếu Công ty SII để thế chấp cho khoản vay này.

(iii) Số dư nợ vay cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Á là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 30 tháng 6 năm 2015 để thực hiện dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm, với hạn mức vay là 430 tỷ VND, thời hạn vay không quá 48 tháng kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2015, thời gian ân hạn nợ gốc là 24 tháng. Lãi suất cho vay năm đầu tiên là 10.5%/năm, các năm tiếp theo được điều chỉnh theo lãi suất huy động thế nhân kỳ hạn 13 tháng trả lãi sau cộng biên độ 3%/năm và điều chỉnh 12 tháng/lần. Công ty đã sử dụng 9.133.815 cổ phiếu Công ty NBB và 500.000 cổ phiếu Công ty CII B&R cùng lợi tức kèm các lợi ích vật chất khác phát sinh từ các cổ phiếu này để thế chấp cho khoản vay.

(iv) Ngày 26 tháng 10 năm 2013, Công ty và Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 11, Tp. Hồ Chí Minh đã ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện cho giai đoạn 2013-2020. Theo đó, Vietinbank sẽ tư vấn phát hành và đầu tư trái phiếu Công ty; cung cấp cho Công ty các sản phẩm về tài chính cho một số dự án mà Công ty đầu tư; cung cấp các dịch vụ tài khoản, tiền gửi và quản lý dòng tiền... cho Công ty. Tháng 11 năm 2013, Vietinbank đã thực hiện mua lại các khoản nợ vay đã được sử dụng để tài trợ cho dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông trên Xa Lộ Hà Nội, công ty dự án B.O.T Cầu Bình Triệu 2 (Phần 1, giai đoạn 2) và góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây Dựng Cầu Sài Gòn. Số dư còn lại của khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 130.991.000.000 VND. Lãi suất của khoản vay này được thả nổi theo lãi suất của ngân hàng công bố trong từng thời kỳ. Lãi suất trong năm dao động trong khoảng 9-9,3%/năm. Công ty cam kết sử dụng nguồn thu từ hoạt động thu phí giao thông trạm Xa Lộ Hà Nội để hoàn vốn đầu tư cầu Rạch Chiếc để thanh toán cho khoản vay này.

(v) Số dư nợ vay cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Sài Gòn là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 30 tháng 3 năm 2016 nhằm mục đích bổ sung vốn hợp tác đầu tư vào dự án thi công mở rộng Xa Lộ Hà Nội giữa Công ty và Công ty CII E&C. Vốn vay là 80 tỷ VND. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2016. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở VND của TPBank kỳ hạn 3 tháng cộng biên độ 2%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Trong năm, lãi suất áp dụng là 8,6%/năm. Công ty đã sử dụng quyền đòi số nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng, dự án, các khoản phải thu, các quyền lợi khác (nếu có) của Công ty trong phạm vi 10% phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn phát sinh từ Hợp đồng Xây dựng Dự án Đầu tư Xây dựng Cầu Sài Gòn 2 làm tài sản đảm bảo cho khoản vay này.

Thông tin bổ sung cho các trái phiếu chưa đáo hạn

Trái phiếu hoán đổi cổ phần Công ty BOT Trung Lương – Mỹ Thuận phát hành cho VLAC (No. 1) Limited Partnership

- Mệnh giá: 1.000.000 VND/trái phiếu (một triệu đồng);
- Số lượng trái phiếu: 462.851;
- Tổng mệnh giá: 462.851.000.000 VND;
- Ngày phát hành: 9 tháng 7 năm 2015;
- Thời hạn trái phiếu: 42 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi suất: 8%/năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: Lãi sẽ được thanh toán hàng năm kể từ ngày hoàn tất cho đến ngày sớm hơn giữa (i) ngày mà trái phiếu đó đã được mua lại toàn bộ và đã được thanh toán đầy đủ tiền lãi và (ii) ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thông tin bổ sung cho các trái phiếu chưa đáo hạn (tiếp theo)

- Điều khoản về hoán đổi: trái phiếu được quyền hoán đổi vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày ký hợp đồng cho đến ngày đáo hạn. Quyền hoán đổi được thực hiện cho bất kỳ trái phiếu nào đang còn lưu hành tại thời điểm đó;
- Giá hoán đổi là 10.000 VND. Tổng số cổ phần hoán đổi do nhà đầu tư nắm giữ sẽ tương đương với ít nhất 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương- Mỹ Thuận;
- Mục đích phát hành trái phiếu: bổ sung vốn lưu động tài trợ cho hoạt động kinh doanh;
- Tài sản đảm bảo: 20% và 30% cổ phần của Công ty BOT Trung Lương- Mỹ Thuận sở hữu lần lượt bởi Công ty CII B&R và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc.

Trái phiếu 650 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2014

- Mệnh giá: 1.000.000.000 VND;
- Số lượng: 650 trái phiếu;
- Đối tượng chào bán: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh;
- Ngày phát hành: 28 tháng 2 năm 2014;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm.
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Lãi suất: Lãi suất trong 6 tháng đầu tiên là 12%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam + biên độ 3,6%/năm;
- Mục đích: Đầu tư vào Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu, góp vốn điều lệ vào Công ty CII E&C, mua cổ phần của Công ty SII, đầu tư vào dự án BOT Mở rộng Xa lộ Hà Nội và cơ cấu lại khoản vay tại Vietinbank;
- Tài sản đảm bảo: 10.801.850 cổ phiếu SII và 13.000.000 cổ phiếu Công ty CII E&C.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã mua lại trước hạn 360 trái phiếu tương đương tổng mệnh giá là 360 tỷ VND.

Trái phiếu 1.000 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2013

- Mệnh giá: 1.000.000.000 VND;
- Số lượng: 1.000 trái phiếu;
- Đối tượng chào bán: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh;
- Ngày phát hành: 17 tháng 4 năm 2013;
- Thời hạn trái phiếu: 6 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng một lần kể từ bao gồm ngày phát hành cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Lãi suất: 13,2%/năm.
- Mục đích: Đầu tư vào dự án Cầu Sài Gòn 2.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã mua lại trước hạn 843 trái phiếu tương đương tổng mệnh giá là 843 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự phòng phải trả Kênh Đông Water Holdings	-	48.534.083.235
Dự phòng phải trả Metro Pacific Tollways	-	97.516.694.445
Cộng	-	146.050.777.680

Trong năm, Công ty đã ghi nhận bổ sung chi phí bồi hoàn tổn thất cho Kênh Đông Water Holdings với giá trị là 12.615.678.540 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, toàn bộ giá trị dự phòng tổn thất đã được thanh toán đủ cho nhà đầu tư.

Khoản dự phòng phải trả cho MPTC đã được hoàn nhập toàn bộ trong năm do Công ty đã có những bằng chứng đáng tin cậy cho thấy khả năng đáp ứng đầy đủ các điều kiện tiên quyết quy định trong hợp đồng phát hành trái phiếu cho MPTC. Nhà đầu tư đã chấp nhận miễn trừ nghĩa vụ bồi hoàn tổn thất cho Công ty sau khi Công ty cung cấp cho nhà đầu tư Chứng thư bảo lãnh đã được ngân hàng Vietinbank - chi nhánh 11 phát hành với số tiền được bảo lãnh là 109.390.744.414 VND.

123
TY
HỮU H
IN VÀ
CHÍNH
TẾ
T.P.V

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	31/12/2016		Phát sinh trong năm		01/01/2016	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2011	-	-	2.401.220.992	578.799.000.000	576.397.779.008	578.799.000.000
Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2014	67.756.000.000	67.756.000.000	-	150.428.000.000	218.184.000.000	218.184.000.000
Cộng	67.756.000.000	67.756.000.000	2.401.220.992	729.227.000.000	794.581.779.008	796.983.000.000

Các trái phiếu chuyển đổi đáo hạn theo lịch biểu sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trong vòng một năm	-	578.799.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	67.756.000.000	218.184.000.000
	67.756.000.000	796.983.000.000
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	-	(2.401.220.992)
Cộng	67.756.000.000	794.581.779.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Số dư cuối kỳ là trái phiếu chuyển đổi trong đợt phát hành vào tháng 6 năm 2014 với tổng mệnh giá là 1.081.846.000.000 VND. Thông tin chi tiết như sau:

- Mệnh giá: 1.000.000 VND;
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Đối tượng chào bán: Các cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên của Công ty;
- Kỳ hạn: 5 năm kể từ ngày phát hành. Trái phiếu được phép chuyển đổi sau 06 tháng kể từ ngày phát hành chia thành 06 đợt như sau:
 - + Đợt 1: 06 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 2: 12 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 3: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 4: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 5: 48 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 6: 60 tháng kể từ ngày phát hành.Vào ngày đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, toàn bộ trái phiếu chưa chuyển đổi sẽ được hoàn trả vốn gốc và lãi cho trái chủ.
- Lãi trái phiếu: 12%/năm, được thanh toán 1 năm/lần kể từ ngày phát hành trái phiếu;
- Giá chuyển đổi: 11.000 VND/cổ phần;
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Mục đích sử dụng vốn: Đầu tư vào Công ty CII E&C, hoàn trả một phần nợ gốc trái phiếu phát hành năm 2007, đầu tư vào dự án xây dựng cao ốc văn phòng 152 Điện Biên Phủ và bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã tiến hành 3 đợt chuyển đổi trái phiếu với tổng số lượng trái phiếu là 1.014.090, tương đương tổng mệnh giá là 1.014.090.000.000 VND, số lượng cổ phiếu được chuyển đổi là 92.180.368 cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 1/1/2015	1.867.549.040.000	143.522.399.777	-	100.461.873.682	288.428.296.831	2.399.961.610.290
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	402.831.340.000	7.327.660.000	-	-	-	410.159.000.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP	10.260.000.000	-	-	-	-	10.260.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	432.865.413.867	432.865.413.867
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(196.643.412.000)	-	-	(196.643.412.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(610.776.333.200)	(610.776.333.200)
Chia lợi nhuận hợp tác đầu tư cho CII B&R (i)	-	-	-	-	(32.032.393.439)	(32.032.393.439)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	19.408.424.461	(38.816.837.922)	(19.408.413.461)
Giảm khác	-	(18.600.000)	-	-	-	(18.600.000)
Tại ngày 1/1/2016	2.280.640.380.000	150.831.459.777	(196.643.412.000)	119.870.298.143	39.668.146.137	2.394.366.872.057
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	457.641.990.000	229.369.893.100	-	-	-	687.011.883.100
Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP	10.000.000.000	-	-	-	-	10.000.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(607.565.681.000)	-	-	(607.565.681.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	794.419.018.905	794.419.018.905
Chia cổ tức	-	-	-	-	(328.435.226.600)	(328.435.226.600)
Chia lợi nhuận hợp tác đầu tư cho CII B&R (i)	-	-	-	-	(19.667.092.389)	(19.667.092.389)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	40.315.529.283	(80.631.058.566)	(40.315.529.283)
Tại ngày 31/12/2016	2.748.282.370.000	380.201.352.877	(804.209.093.000)	160.185.827.426	405.353.787.487	2.889.814.244.790

(i) Khoản chia lợi nhuận từ hoạt động thu phí trạm Xa Lộ Hà Nội để hoàn vốn đầu tư cầu Rạch Chiếc cho Công ty CII B&R được thực hiện theo hợp đồng hợp tác đầu tư quyền thu phí như đã trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phần

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	274.828.237	228.070.438
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	274.828.237	228.064.038
+ Cổ phần phổ thông	274.828.237	228.064.038
Số lượng cổ phần đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	(33.561.510)	(9.810.000)
+ Cổ phần phổ thông	(33.561.510)	(9.810.000)
Số lượng cổ phần đang lưu hành	241.266.727	218.254.038
+ Cổ phần phổ thông	241.266.727	218.254.038
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần		

Cổ tức

Trong năm, Công ty đã chia cổ tức năm 2016 thành 2 đợt như sau:

- Ngày 19 tháng 7, Công ty công bố chia cổ tức đợt 1 với tỷ lệ 6,5%, tương đương với 171.611.854.050 VND cho 273.828.237 cổ phiếu;
- Ngày 27 tháng 12, Công ty công bố chia cổ tức đợt 2 với tỷ lệ 6,5%, tương đương với 156.823.372.550 VND cho 274.828.237 cổ phiếu.

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2016	2015
	VND	VND
Doanh thu thu phí giao thông trạm Xa lộ Hà nội hoàn vốn đầu tư dự án Cầu Rạch Chiếc		
Doanh thu quý 1	96.935.710.000	88.590.795.000
Doanh thu quý 2	100.913.420.000	94.685.995.000
Doanh thu quý 3	103.664.835.000	99.091.485.000
Doanh thu quý 4	101.320.060.000	100.825.660.000
	402.834.025.000	383.193.935.000
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(15.576.000.000)	(13.140.000.000)
Doanh thu thuần	387.258.025.000	370.053.935.000

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí khấu hao quyền thu phí giao thông	265.870.456.500	234.514.688.220
Chi phí duy tu trạm thu phí giao thông	8.056.680.500	7.663.878.700
Cộng	273.927.137.000	242.178.566.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận từ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	457.828.915.232	316.980.879.780
Lợi nhuận từ việc hoán đổi cổ phiếu LGC với trái phiếu phát hành cho MPTC	423.972.481.761	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	251.830.505.047	280.733.957.225
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	75.591.855.574	81.089.235.061
Lãi phát sinh từ các dự án hợp tác đầu tư	21.068.643.058	-
Lãi đầu tư trái phiếu	1.731.040.105	3.295.200.756
Thu nhập từ phát hành trái phiếu hoán đổi	-	220.233.281.926
Lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng các công ty dự án	-	69.617.328.762
Doanh thu tài chính khác	-	50.405
Cộng	1.232.023.440.777	971.949.933.915

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	303.549.320.904	344.990.649.210
Lỗ và chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	89.114.683.406	28.664.821.443
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	21.786.450.980	7.372.998.435
Chi phí chi phí bảo lãnh, phát hành trái phiếu	16.956.986.986	32.690.321.683
Chi phí bồi hoàn tổn thất cho nhà đầu tư	12.615.678.540	97.516.694.445
Hoàn nhập chi phí dự phòng tổn thất cho nhà đầu tư	(97.516.694.445)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	9.020.000.000
Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm trước của trái phiếu chuyển đổi bằng ngoại tệ	(42.205.116.900)	-
Chi phí tài chính khác	6.414.944.663	3.501.602.139
Cộng	310.716.254.134	523.757.087.355

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2016 VND	2015 VND
Chi phí in vé thu phí giao thông	676.710.576	849.377.173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.658.704.565	2.529.079.971
Cộng	3.335.415.141	3.378.457.144

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	86.066.121.114	56.039.503.800
Chi phí đồ dùng văn phòng	613.104.250	535.273.726
Chi phí khấu hao	387.870.240	562.325.790
Thuế, phí và lệ phí	751.403.825	8.251.683.436
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	(5.287.318.420)	12.165.395.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.436.655.641	5.697.307.038
Chi phí bằng tiền khác	2.750.125.531	1.778.478.022
Cộng	92.717.962.181	85.029.966.845

30. CHI PHÍ KHÁC

	2016 VND	2015 VND
Các khoản phạt thuế	6.502.246.310	3.715.402.035

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	932.540.365.466	483.944.388.616
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	16.655.512.837	28.966.726.560
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(272.899.148.105)	(280.733.957.225)
Chi phí dự phòng đã kê khai bổ sung cho năm trước	(97.516.694.445)	-
Thu nhập chịu thuế	578.780.035.753	232.177.157.951
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	115.756.007.151	51.078.974.749
Thuế TNDN năm trước bổ sung	22.365.339.410	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	138.121.346.561	51.078.974.749

Trong năm, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	86.066.121.114	56.039.503.800
Chi phí đồ dùng văn phòng	613.104.250	535.273.726
Chi phí khấu hao tài sản cố định	266.258.326.740	235.077.014.010
Thuế, phí và lệ phí	751.403.825	8.251.683.436
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	(5.287.318.420)	12.165.395.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.187.015.445	16.862.787.877
Chi phí bằng tiền khác	2.750.125.531	1.778.478.022
Cộng	368.338.778.485	330.710.135.904

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản vay và nợ	3.139.879.320.594	4.636.761.027.294
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(249.059.008.478)	(410.397.717.943)
Nợ thuần	2.890.820.312.116	4.226.363.309.351
Vốn chủ sở hữu	2.889.814.244.790	2.394.366.872.057
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	100,03%	177%

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu là hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty vì Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư hạ tầng kỹ thuật, một lĩnh vực yêu cầu giá trị vốn tài trợ lớn. Mặt khác, trong tổng giá trị nợ và vay được sử dụng để xác định tỷ lệ nợ thuần, chủ yếu là các khoản nợ dài hạn trong đó bao gồm các khoản trái phiếu hoán đổi và chuyển đổi. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng phần lớn các nhà đầu tư sẽ thực hiện chuyển đổi hoặc hoán đổi các trái phiếu này trong tương lai thay vì nhận thanh toán bằng tiền nên Công ty sẽ đảm bảo được khả năng thanh toán cho các khoản nợ khi đến hạn.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính như sau:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH		
Tiền và tương đương tiền	249.059.008.478	410.397.717.943
Các khoản cho vay	562.518.371.676	900.282.102.690
Phải thu khách hàng	752.667.740.507	36.979.645.507
Phải thu khác	691.993.207.740	762.612.758.996
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	15.781.111.111	238.380.000.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.892.014.291.376	4.108.994.644.278
Cộng	5.164.033.730.888	6.457.646.869.414

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH		
Phải trả người bán	24.638.409.210	261.835.836.156
Phải trả khác	509.062.920.607	455.568.267.650
Dự phòng phải trả	-	146.050.777.680
Các khoản vay	2.162.272.320.594	1.636.927.027.294
Trái phiếu thông thường	447.000.000.000	720.000.000.000
Trái phiếu hoán đổi	462.851.000.000	1.482.851.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	67.756.000.000	796.983.000.000
Cộng	3.673.580.650.411	5.500.215.908.780

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, thay đổi tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư.

Và Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các công ty con, các công ty liên kết và các đối tác đầu tư lâu dài của Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

011
CÔ
CH NH
EM
VĂN
QUÔ
XU
/ 2 /
0
PH
/ 2 /

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
<u>Tài sản tài chính</u>				
Tiền và tương đương tiền	249.059.008.478	-	-	249.059.008.478
Các khoản cho vay	478.307.301.956	84.211.069.720	-	562.518.371.676
Phải thu khách hàng	537.667.740.507	215.000.000.000	-	752.667.740.507
Phải thu khác	55.888.968.300	143.234.959.440	492.869.280.000	691.993.207.740
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	15.781.111.111	-	-	15.781.111.111
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	2.892.014.291.376	2.892.014.291.376
Cộng	1.336.704.130.352	442.446.029.160	3.384.883.571.376	5.164.033.730.888
<u>Nợ phải trả tài chính</u>				
Phải trả người bán	24.638.409.210	-	-	24.638.409.210
Phải trả khác	255.712.620.848	-	253.350.299.759	509.062.920.607
Dự phòng phải trả	-	-	-	-
Các khoản vay	1.206.031.833.158	956.240.487.436	-	2.162.272.320.594
Trái phiếu thông thường	100.000.000.000	347.000.000.000	-	447.000.000.000
Trái phiếu hoán đổi	-	462.851.000.000	-	462.851.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	-	67.756.000.000	-	67.756.000.000
Cộng	1.586.382.863.216	1.833.847.487.436	253.350.299.759	3.673.580.650.411
Chênh lệch thanh khoản thuần	(249.678.732.864)	(1.391.401.458.276)	3.131.533.271.617	1.490.453.080.477
Tại ngày 01/01/2016				
<u>Tài sản tài chính</u>				
Tiền và tương đương tiền	410.397.717.943	-	-	410.397.717.943
Các khoản cho vay	874.631.105.090	25.650.997.600	-	900.282.102.690
Phải thu khách hàng	36.979.645.507	-	-	36.979.645.507
Phải thu khác	262.417.201.136	101.826.277.860	398.369.280.000	762.612.758.996
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	238.380.000.000	-	-	238.380.000.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	4.108.994.644.278	4.108.994.644.278
Cộng	1.822.805.669.676	127.477.275.460	4.507.363.924.278	6.457.646.869.414
<u>Nợ phải trả tài chính</u>				
Phải trả người bán	261.835.836.156	-	-	261.835.836.156
Phải trả khác	135.694.752.612	71.557.351.111	248.316.163.927	455.568.267.650
Dự phòng phải trả	146.050.777.680	-	-	146.050.777.680
Các khoản vay	877.877.027.294	759.050.000.000	-	1.636.927.027.294
Trái phiếu thông thường	-	720.000.000.000	-	720.000.000.000
Trái phiếu hoán đổi	-	462.851.000.000	1.020.000.000.000	1.482.851.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	578.799.000.000	218.184.000.000	-	796.983.000.000
Cộng	2.000.257.393.742	2.231.642.351.111	1.268.316.163.927	5.500.215.908.780
Chênh lệch thanh khoản thuần	(177.451.724.066)	(2.104.165.075.651)	3.239.047.760.351	957.430.960.634

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chênh lệch thanh khoản thuần trong khoảng thời gian từ 1 đến 5 năm âm chủ yếu là do các khoản trái phiếu chuyển đổi và hoán đổi. Công ty tin tưởng rằng các trái phiếu này sẽ được chuyển đổi hoặc hoán đổi theo kế hoạch của Công ty và Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các bên liên quan là các công ty con và công ty liên kết, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty còn có bên liên quan khác là các công ty con, công ty liên kết đầu tư gián tiếp thông qua các công ty con như đã trình bày tại **Thuyết minh số 1 - Thông tin khái quát**. Chi tiết các giao dịch trọng yếu phát sinh trong năm với các bên liên quan này như sau:

Các giao dịch trọng yếu trong năm với các bên liên quan này bao gồm:

	2016	2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội:		
Cho vay	63.819.000.000	80.281.269.070
Thu hồi tiền cho vay	-	98.500.000.000
Lãi cho vay phải thu	16.944.094.549	11.042.275.403
Lợi nhuận được chia trong năm		
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn		
Bán cổ phiếu quỹ	28.857.397.568	44.368.400.000
Lợi nhuận được chia/(hoàn trả) trong năm	24.628.467.769	-
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	-	46.000.000.000
Hoàn trả vốn hỗ trợ từ công ty con	-	-
Chi phí sử dụng vốn phải trả	110.356.258	258.072.094

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:

	2016	2015
	VND	VND
Lương	8.060.111.498	7.921.988.176
Thưởng và các khoản thu nhập khác	16.182.565.689	10.375.194.549
Cộng	24.242.677.187	18.297.182.725

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Công ty đã thực hiện phân loại lại số dư đầu kỳ của khoản vốn góp vào dự án Diamond Riverside theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy từ khoản mục Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sang khoản mục Phải thu dài hạn khác. Đồng thời số dư phải thu về khoản lợi nhuận đảm bảo được hưởng từ dự án này cũng được trình bày là khoản Phải thu khác để đảm bảo tính so sánh với số liệu cuối năm. Chi tiết các khoản được trình bày lại như sau:

CÁC CHỈ TIÊU	Mã số	Trình bày năm trước 01/01/2016	Trình bày lại	Trình bày năm nay 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	223.271.231.389		286.028.429.503
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	223.271.231.389	62.757.198.114	286.028.429.503
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	223.271.231.389	62.757.198.114	286.028.429.503
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	629.856.629.584	(62.757.198.114)	567.099.431.470
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	168.730.151.470	398.369.280.000	567.099.431.470
3. Phải thu dài hạn khác	216	168.730.151.470	398.369.280.000	567.099.431.470
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	461.126.478.114	(461.126.478.114)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	461.126.478.114	(461.126.478.114)	-
CỘNG TÀI SẢN	270	853.127.860.973	-	853.127.860.973


36. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ


Ngày 24 tháng 11 năm 2016 Công ty và nhà đầu tư Keb Hana Banktrustee And Custodian Business (Ngân hàng đại diện cho Quỹ Đầu tư Rhinos Asset Management (“RAM”)) đã ký Hợp đồng đặt mua trái phiếu trị giá 40 triệu USD. Ngày 5 tháng 1 năm 2017, Công ty chính thức phát hành trái phiếu chuyển đổi cho RAM và thu về 40 triệu USD.

Theo Nghị quyết số 122/NQ-HĐQT (NK 2012-2017), Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty đã chấp thuận việc mua lại cổ phần Công ty VPII từ các cổ đông hiện hữu của VPII. Ngày 16 tháng 1 năm 2017, Công ty CII đã hoàn tất việc mua lại cổ phần và tăng tỷ lệ sở hữu tại VPII hơn 99,99%. Như vậy, kể từ ngày 16 tháng 1 năm 2017, VPII chính thức trở thành công ty con của Công ty.

Ngày 17 tháng 2 năm 2016, công ty CII đã thực hiện thành công giao dịch mua 10.238.570 cổ phiếu của Công ty CII B&R và tăng tỷ lệ sở hữu lên 54,31%.

Để cơ cấu lại danh mục đầu tư, Công ty đã tiếp tục mua vào cổ phiếu NBB. Đến ngày 21 tháng 2 năm 2017, số lượng cổ phiếu NBB mà Công ty nắm giữ là 15.201.585 đơn vị, nâng tỷ lệ sở hữu lên 23,81%. Do đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy trở thành công ty liên kết của Công ty.


 Nguyễn Thị Tuyết Nhung
 Người lập biểu
 Ngày 16 tháng 3 năm 2017


 Nguyễn Thị Mai Hương
 Kế toán trưởng


 Lê Quốc Bình
 Tổng Giám đốc

Số: 117/2017/CV-CII

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

V/v: giải trình chênh lệch sau kiểm toán báo
cáo tài chính công ty mẹ năm 2016

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh (CII) giải trình chênh lệch một số chỉ tiêu chủ yếu trong báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 (số liệu kiểm toán) so với báo cáo tài chính công ty mẹ quý 4/2016 đã lập (số liệu trước kiểm toán) như sau:

1. Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: không có sự chênh lệch số liệu trọng yếu sau kiểm toán.
2. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: có sự chênh lệch chủ yếu ở một số chỉ tiêu trước và sau kiểm toán như sau:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động				
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	19.390.407.017	(118.838.764.744)	(138.234.171.761)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	195.326.638.503	243.056.638.503	47.730.000.000
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	420.461.327.570	544.821.932.802	124.360.605.232
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.166.464.544.089)	(2.200.320.977.560)	(33.856.433.471)

Nguyên nhân có sự thay đổi là do kiểm toán điều chỉnh lại một số chỉ tiêu cho đúng bản chất dòng tiền:

- 2.1 Mã số 09: điều chỉnh số tiền lãi Công ty nhận được từ thanh lý các khoản đầu tư vốn và công ty khác sang dòng tiền đầu tư (Mã số 26) với số tiền là (-172.090.605.232 đồng) và điều chỉnh lợi nhuận từ hoán đổi trái phiếu MPTC khỏi dòng tiền trả nợ vay (Mã số 34) và biến động các khoản phải thu với số tiền là 33.856.433.471 đồng.
- 2.2 Mã số 11: là do loại trừ biến động của khoản nhận đặt cọc mua phần vốn góp Công ty Nước Tân Hiệp từ công ty liên kết ra khỏi biến động các khoản phải trả vì khoản này đã được tính vào dòng tiền đầu tư (Mã số 26) với số tiền là 47.730.000.000 đồng.

- 2.3 Mã số 26: điều chỉnh một phần dòng tiền từ Mã số 09 (172.090.605.232 đồng) và điều chỉnh giảm một phần dòng tiền từ Mã số 11 (- 47.730.000.000 đồng) như đã nêu tại Mục 2.1 và Mục 2.2 .
- 2.4 Mã số 34: Chênh lệch là do điều chỉnh dòng tiền trả nợ vay từ Mã số 34 (33.856.433.471 đồng) sang Mã số 09 như đã nêu tại Mục 2.1.

Trân trọng.



LÊ QUỐC BÌNH

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu: VP, P.TC-KT

